

**PHƯƠNG ÁN ĐÈN BÙ, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY 220KV
SƠN LA - ĐIỆN BIÊN (ĐOẠN TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG ẢNG) ĐỢT 6**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Mường Ảng)

ĐVT: đồng

TT	Chủ sử dụng đất	Bồi thường về đất	Bồi thường về TS, VKT	Bồi thường về cây trồng vật nuôi	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng cộng
	XÃ ẮNG TỎ						
1	Nguyễn Văn Châu (Đoàn Thị Xim)	22.453.200	0	5.714.071	44.906.400	0	73.073.671
2	Nguyễn Văn Giang (Dương Thị Hải)	38.559.600	574.695	36.765.900	77.119.200		153.019.395
3	Giàng A Dơ	28.105.600	0	2.600.000	56.211.200	0	86.916.800
	XÃ ẮNG NỬA						
4	Ngô Bá Thanh (Nguyễn Thị Hồng)	0	0	4.549.060	0	0	4.549.060
5	Lò Văn Phan (Lò Thị Hồ)	3.528.000	0	6.092.110	7.056.000	0	16.676.110
6	Trần Thị Hồng	0	0	1.650.808	0		1.650.808
7	Cộng đồng bản Na Luông	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	92.646.400	574.695	57.371.949	185.292.800	0	335.885.844

PHƯƠNG ÁN ĐỀN BÙ, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY 220KV SƠN LA - ĐIỆN BIÊN (ĐOẠN TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG ẢNG) ĐỢT 6 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Mường Ảng)															
Stt	Nội dung	Số thửa	Tờ Bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức Hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài		Số tiền thực lĩnh sau	Nguồn gốc đất	Điều kiện bồi thường	
										Mức thu	Số tiền				
XÃ ẮNG TỐ															
Bản Pá Cha															
1	Nguyễn Văn Châu (Đoàn Thị Xim)														
a	Bồi thường về đất					623,7			73.073.671						
	Đất trồng cây lâu năm	1	40	Vị trí 1	m ²	623,7	36.000		22.453.200				Đất được cấp GCNQSD đất số phát hành CX 534104, số vào sổ cấp GCN CH 001722 do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 07/12/2020	Điều 96, Luật đất đai 2024 và điều 12 ND88/2024/NĐ-CP	
b	Bồi thường về tài sản VKT								0						
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								5.714.071						
	Cây cà phê năm thứ 3				Cây	9	70.007		630.063						
	Cây nhãn ghép đường kính tán 1,5m; 32 cây				Kg	226,08	17.600		3.979.008						
	Cây gỗ tạp ø 15 - < 30cm (19cm)				Cây	1	125.000		125.000						
	Cây gỗ tạp ø 7 - < 10cm				Cây	10	65.000		650.000						
	Cây gỗ tạp ø < 5cm (4cm)				Cây	11	30.000		330.000						
d	Hỗ trợ khác								44.906.400						
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp Đất trồng cây lâu năm	1	40	Vị trí 1	m ²	623,7	36.000	2	44.906.400						
2	Nguyễn Văn Giang (Dương Thị Hải)														
a	Bồi thường về đất					1.071,1			38.559.600						
	Đất trồng cây lâu năm	1	36	Vị trí 1	m ²	1.071,1	36.000		38.559.600				Đất được cấp GCNQSD đất số phát hành BS 443080, số vào sổ cấp GCN CH 00135 do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 03/10/2014	Điều 96, Luật đất đai 2024 và điều 12 ND88/2024/NĐ-CP	
b	Bồi thường về tài sản VKT								574.695						
	Ống nước HDPE ø 34 dày 1,8mm PN8				m	45	12.771		574.695						
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								36.765.900						
	Cây cao su trồng năm thứ 10				Cây	81	453.900		36.765.900						

d	Hỗ trợ khác								77.119.200				
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp Đất trồng cây lâu năm	1	36	Vị trí 1	m ²	1071,1	36.000	2	77.119.200				
3	Giàng A Dơ								86.916.800				
a	Bồi thường về đất					1.756,6			28.105.600				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1	34	Vị trí 2	m ²	1.756,6	16.000		28.105.600				Điều 96, Luật đất đai 2024 và điều 12 ND88/2024/NĐ-CP
b	Bồi thường về tài sản VKT												
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								2.600.000				
	Cây gỗ tạp ø 7-<10cm				Cây	40	65.000		2.600.000				
d	Hỗ trợ khác								56.211.200				
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1	34	Vị trí 2	m ²	1.756,6	16.000	2	56.211.200				
XÃ ẮNG NỬA													
Bản Cù													
4	Ngô Bá Thạnh (Nguyễn Thị Hồng)								4.549.060				
a	Bồi thường về đất					88,4			0				
	Đất trồng cây lâu năm	18	50	Vị trí 1	m ²	88,4	0		0				Đất nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm, số phát hành CP 016927, số vào sổ CH01388 do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 30/01/2019 không đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật đất đai 2024
b	Bồi thường về tài sản VKT								0				
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								4.549.060				
	Cây cà phê năm thứ 23				Cây	38	102.870		3.909.060				
	Cây keo ø > 30cm				Cây	4	160.000		640.000				
d	Hỗ trợ khác								0				
VI	Bản Lế												
5	Lò Văn Phan (Lò Thị Hố)								16.676.110				
a	Bồi thường về đất					98			3.528.000				
	Đất trồng cây lâu năm	17	50	Vị trí 1	m ²	98	36.000		3.528.000				Điều 96, Luật đất đai 2024 và điều 12 ND88/2024/NĐ-CP
b	Bồi thường về tài sản VKT								0				
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								6.092.110				
	Cây cà phê năm thứ 18				Cây	53	102.870		5.452.110				
	Cây keo ø > 30cm				Cây	4	160.000		640.000				
d	Hỗ trợ khác								7.056.000				
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp Đất trồng cây lâu năm	17	50	Vị trí 1	m ²	98	36.000	2	7.056.000				
6	Trần Thị Hồng								1.650.808				

a	Bồi thường về đất(HKTHỊ TRÁN)					46,4			0					
	Đất trồng cây lâu năm	1	50	Vị trí 1	m ²	46,4			0				Đất được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo GCN QSD đất số phát hành CI 378549, số vào sổ cấp GCN CH01219	không đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật đất đai 2024
b	Bồi thường về tài sản VKT								0					
c	Bồi thường cây cối, hoa màu								1.650.808					
	Cây cà phê năm thứ 15				Cây	13	102.870		1.337.310					
	Cây nhân tán lá 3,2m; 1 cây (nhân thường)				Kg	24,1152	13.000		313.498					
d	Hỗ trợ khác								0					
7	Cộng đồng bản Na Luông								0					
a	Bồi thường về đất					52,4			0					
	Đất rừng phòng hộ	20	52	Vị trí 2	m ²	52,4			0				Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo GCN QSD đất số phát hành CA 760658, số vào sổ cấp GCN CH00757 do UBND huyện Mường Ảng cấp ngày 21/12/2015	không đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật đất đai 2024
b	Bồi thường về tài sản VKT								0					
c	Bồi thường cây cối, hoa màu													
d	Hỗ trợ khác													
	TỔNG					3.736,6			335.885.844					

